

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 1 - THANH HÓA **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/KDTM-ST

Ngày: 30-7-2025

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Liên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Nga
2. Ông Nguyễn Văn Quý

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Tổ Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1- Thanh Hóa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Thanh Hóa tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Tình - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 7 năm 2025, tại Toà án nhân dân khu vực 1 – Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 49/2025/TLST-KDTM ngày 18 tháng 4 năm 2025 về việc: Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2025/QĐXX-KDTM ngày 07 tháng 7 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2025/KDTM-QĐ ngày 21 tháng 7 năm 2025 giữa:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP Q (V1).

Địa chỉ: Tầng A (tầng trệt) và Tầng B, Tòa nhà S P, phường B, quận A (Nay là phường S), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền:

1. Ông Nguyễn Đình T - Giám đốc Khối mạng lưới kinh doanh Ngân hàng bán lẻ, theo giấy ủy quyền số 2263694.24 ký ngày 23/10/2024 của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Q

2. Ông Phạm Thanh H – Giám đốc Thu hồi Nợ trực tiếp và xử lý nợ vùng Đơn vị: Vùng B, Khối Mạng lưới Kinh doanh ngân hàng bán lẻ, theo Giấy ủy quyền số 232921.24 ngày 23/10/2024 của Giám Đốc Khối Mạng lưới Kinh doanh Ngân hàng bán lẻ.

Địa chỉ: Tầng A, 2 Tòa nhà P, số C M, phường Q, thành phố V (Nay là phường V), tỉnh Nghệ An

Người được ủy quyền: Bà Lê Thị N - Cán bộ Ngân hàng TMCP Q; Địa chỉ: SN F đường B, phường Đ, TP . (N là phường H), tỉnh Thanh Hóa (Văng mặt).

Bà N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- **Bị đơn:** Công ty cổ phần Đ; Địa chỉ: S phố C, phường T, TP . (N là phường H), tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Hoài N1, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn D, xã H, huyện H (nay là xã H), tỉnh Thanh Hóa (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, người được ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 06/7/2023, Ngân hàng TMCP Q và Công ty cổ phần Đ ký Hợp đồng tín dụng số 4610132.23, vay số tiền 835.000.000đ, thời hạn vay 72 tháng, mục đích cấp tín dụng: mua 01 xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA, số loại CAMRY mục đích phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh theo hợp đồng mua bán số 13077/HĐMB-TTH2023 ký ngày 29/6/2023.

Để bảo đảm cho việc thực hiện các nghĩa vụ theo Hợp đồng tín dụng, các bên thống nhất ký Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 1205042.23 ký ngày 06/7/2023, tài sản thế chấp là: 01 xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA, số loại CAMRY, số khung MR2BA3HK704003301, số máy 0644944M20A, màu sơn trắng ngọc trai, biển kiểm soát 36A-896.75 do Phòng C Công an tỉnh T cấp ngày 05/7/2023 đứng tên Công ty cổ phần Đ.

Theo Hợp đồng tín dụng số 4610132.23 ngày 06/7/2023, Đơn đề nghị giải ngân kèm Khế ước nhận nợ số 4610132(1).23 ngày 06/7/2023, Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 1205042.23 ký ngày 06/7/2023, Ngân hàng TMCP Q đã giải ngân cho Công ty cổ phần Đ số tiền 835.000.000đ

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty cổ phần Đ mới thanh toán cho Ngân hàng tính đến ngày 16/5/2025 tổng số tiền là: 295.053.036 đồng (trong đó: gốc 174.000.000đ, lãi 121.053.036đ). Công ty cổ phần Đ đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 28/10/2024. Vì vậy, Ngân hàng TMCP Q khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết:

1. Buộc Công ty cổ phần Đ phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q số tiền (tạm tính đến ngày 30/7/2025) là: 733.826.832 đồng, trong đó gồm có: Nợ gốc: 641.012.612 đồng, nợ lãi: 68.954.947 đồng, nợ lãi quá hạn: 23.859.173 đồng.

2. Tiếp tục tính lãi, lãi quá hạn kể từ ngày 30/7/2025 cho đến khi Công ty cổ phần Đ thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ đã ký.

3. Trường hợp Công ty cổ phần Đ không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho V1 thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm, cụ thể là 01 xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA, số loại CAMRY, số khung MR2BA3HK704003301, số máy 0644944M20A, màu sơn trắng ngọc trai, biển kiểm soát 36A-896.75 do Phòng C Công an tỉnh T cấp ngày 05/7/2023 đứng tên Công ty cổ phần Đ.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ cho bên vay vốn với V1. Trường hợp nếu số tiền thu được từ xử lý tài sản đảm bảo không đủ để thanh toán hết nợ thì bên vay vốn vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho V1.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các văn bản tố tụng tại địa chỉ số nhà B phố C, phường T, TP. (N là phường H), tỉnh Thanh Hóa (là nơi đăng ký trụ sở Công ty và là địa chỉ ghi trong Hợp đồng tín dụng) đồng thời thực hiện thủ tục tổng đạt cho người đại diện hợp pháp của Công ty theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã lập biên bản về việc đương sự vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa người được ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc Công ty cổ phần Đ phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo Hợp đồng đã ký kết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Thanh Hóa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, đề nghị Tòa án căn cứ Điều 227 BLTTDS để xét xử. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 30; điểm b Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 271, 273 của BLTTDS; Điều 90; khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 95; điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 293, 299; Điều 317; Điều 319; Điều 322; khoản 7 Điều 323; Điều 463; Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 6; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn. Buộc Công ty cổ phần Đ phải trả cho Ngân hàng Q số tiền tính đến ngày 30/7/2025 là 733.826.832 đồng, trong đó gồm có: Nợ gốc: 641.012.612 đồng, nợ lãi: 68.954.947 đồng, nợ lãi quá hạn: 23.859.173 đồng.

Trường hợp Công ty cổ phần Đ không trả nợ hoặc trả không đầy đủ nghĩa vụ tín dụng cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mại, xử lý tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ.

Trường hợp xử lý phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ mà không đủ trả nợ thì Công ty cổ phần Đ phải có trách nhiệm thanh toán trả nợ còn lại cho Ngân hàng cho đến khi trả xong nợ.

- Về án phí: Công ty cổ phần Đ phải chịu 33.353.069đ án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Q số tiền 16.198.000đ tiền tạm ứng đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tranh chấp giữa nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q và Công ty cổ phần Đ là Tranh chấp hợp đồng tín dụng. Bị đơn có địa chỉ tại phường H, tỉnh

Thanh Hóa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1- Thanh Hóa theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

Tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b Khoản 2 Điều 227 BLTTDS để giải quyết vắng mặt đương sự là phù hợp quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung: Ngân hàng TMCP Q đã giải ngân cho Công ty cổ phần Đ vay số tiền 835.000.000đ, Công ty đã nhận đủ số tiền theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 06/7/2023, thời hạn vay: 72 tháng, lãi suất cho vay: Lãi suất 12,5%/năm áp dụng cho 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giả ngân khoản tín dụng, hết thời hạn ưu đãi nói trên lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm cộng biên độ 4,3%/năm. Thông tin về lãi suất cơ sở theo sản phẩm tại từng thời kỳ được thông báo công khai trên website của ngân hàng hoặc theo hình thức thông báo khác do ngân hàng quyết định trong từng thời kỳ; mục đích vay: mua 01 xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA, số loại CAMRY mục đích phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh theo hợp đồng mua bán số 13077/HĐMB-TTH2023 ký ngày 29/6/2023. Phí: nếu bên vay trả nợ trước hạn thì phải trả phí: tất toán khoản vay trước hạn: 1.500.000đ/khoản vay; trả nợ trước hạn một phần gốc 300.000đồng/lần trả nợ trước hạn. Hoàn trả khoản tín dụng gốc vào ngày 28 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 28/7/2023, mỗi tháng trả 11.600.000đ, số tiền còn lại trả vào kỳ cuối cùng. Ngày trả lãi vào ngày 28 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 28/7/2023. Ngày trả phí theo quy định của Ngân hàng từng thời kỳ.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Ngân hàng TMCP Q đã đôn đốc nhưng Công ty cổ phần Đ vẫn không thể thanh toán được cho Ngân hàng, nên kể từ ngày 28/10/2024 khoản nợ của Công ty cổ phần Đ đã chuyển sang nợ quá hạn. Như vậy, Công ty cổ phần Đ đã vi phạm Hợp đồng tín dụng số 4610132.23 ngày 06/7/2023, Đơn đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 4610132(1).23 ngày 06/7/2023 về thời hạn và phương thức trả nợ mà hai bên đã cam kết. Việc Ngân hàng TMCP Q khởi kiện Công ty cổ phần Đ thanh toán toàn bộ số nợ tính đến ngày 30/7/2025 với tổng số tiền 733.826.832 đồng, trong đó gồm có: Nợ gốc: 641.012.612 đồng, nợ lãi: 68.954.947 đồng, nợ lãi quá hạn: 23.859.173 đồng là có căn cứ, phù hợp với Hợp đồng đã ký kết.

Căn cứ vào Điều 463, 466 Bộ luật dân sự; Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q.

[3]. Về Hợp đồng thế chấp tài sản: Để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã ký giữa Ngân hàng TMCP Q và Công ty cổ phần Đ ký kết Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 1205042.23 ký ngày 06/7/202301, tài sản thế chấp là xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA, số loại CAMRY, số khung MR2BA3HK704003301, số máy 0644944M20A, màu sơn trắng ngọc trai, biển kiểm soát 36A-896.75 do Phòng C Công an tỉnh T cấp ngày 05/7/2023 đứng tên Công ty cổ phần Đ. Việc thế chấp đã được đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Đà Nẵng chứng nhận vào ngày 06/7/2023 theo đúng trình tự thủ tục pháp luật. Theo Hợp đồng thế chấp

thỏa thuận về tài sản thế chấp được cam kết về biện pháp xử lý tài sản bảo đảm, quyền và trách nhiệm của bên vay về trả nợ vay, về các nghĩa vụ bảo đảm nợ vay và các nội dung khác đã cam kết trong hợp đồng. Vì vậy, yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm để bảo đảm việc thu hồi nợ của Ngân hàng TMCP Q là có căn cứ, cần chấp nhận.

[4]. Về án phí: Công ty cổ phần Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ngân hàng TMCP Q không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa (Nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 1-Thanh Hóa).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 30; điểm b Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 271, 273 của BLTTDS; Điều 90; khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 95; điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 293, 299; Điều 317; Điều 319; Điều 322; khoản 7 Điều 323; Điều 463; Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 6; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q.

1. Buộc Công ty cổ phần Đ phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q khoản tiền vay còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số 4610132.23 ngày 06/7/2023, Đơn đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 4610132(1).23 ngày 06/7/2023, Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 1205042.23 ký ngày 06/7/2023 số tiền tính đến ngày 30/7/2025 (ngày xét xử sơ thẩm) 733.826.832 đồng, trong đó gồm có: Nợ gốc: 641.012.612 đồng, nợ lãi: 68.954.947 đồng, nợ lãi quá hạn: 23.859.173 đồng.

Kể từ ngày 31/7/2025, Công ty cổ phần Đ còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng mà hai bên đã ký kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Trường hợp trong hợp đồng thỏa thuận cho vay, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

2. Trong trường hợp Công ty cổ phần Đ không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền trên, Ngân hàng TMCP Q có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án kê biên phát mại tài sản bảo đảm là: 01 xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA, số loại CAMRY, số khung MR2BA3HK704003301, số máy 0644944M20A, màu sơn trắng ngọc trai, biển kiểm soát 36A-896.75 do Phòng C Công an tỉnh T cấp ngày 05/7/2023 đứng tên Công ty cổ phần Đ. Tài sản được thế chấp tại V1 theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 1205042.23 ký ngày 06/7/2023 do Văn

phòng C1, địa chỉ: A đường D, phường T, TP . (N là phường H), tỉnh Thanh Hóa công chứng ngày 06/7/2023.

3. Về án phí: Công ty cổ phần Đ phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là: 33.353.069 đ (ba mươi ba triệu ba trăm năm mươi ba nghìn không trăm sáu mươi chín nghìn đồng).

Trả lại cho Ngân hàng TMCP Q toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 16.198.000đ (Mười sáu triệu một trăm chín mươi tám nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số BLTU/24/0006822 ngày 04/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa (Nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 1-Thanh Hóa).

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án niêm yết.

Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 1 -Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Trần Thị Liên